TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định số: 42/2020/HS-GĐT
Ngày 21 tháng 10 năm 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán: Ông Quảng Đức Tuyên

Ông Lê Thành Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

1. **Nguyễn Khánh D**, sinh năm 1999; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phi L, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1981; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại.

2. **Đinh Hoàng Dng**, sinh năm 1999; nơi cư trú: Ấp Kênh Nhà Thờ, xã B, huyện C, tỉnh D; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn H, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/8/2019.

Bị hại:

Anh Nguyễn Duy Ph, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp F, xã G, huyện C, tỉnh D

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Phi L, sinh năm 1981.

2. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1981.

Cùng trú địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D.

3. Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1969.

4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977.

5. Anh Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 2000.

Cùng trú địa chỉ: Ấp F, xã G, huyện C, tỉnh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng đầu tháng 05/2019, Nguyễn Khánh D, Nguyễn Duy Ph và Nguyễn Thanh N cùng đến nhà trọ Ph ở Ấp 7, xã Nh, huyện I thuê phòng ở và xin việc tại đây. D thường xuyên mượn xe mô tô của anh Ph để sử dụng. Do không có việc làm, D nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh Ph bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. D bàn bạc với Dng tìm cách trộm xe của anh Ph thì Dng đồng ý, cả hai bàn bạc làm thêm 01 chìa khóa xe mô tô bằng cách mượn xe Ph đi rồi làm chìa khóa xe giao cho Dng cất giữ để thực hiện hành vi trộm cắp. Đến ngày 24/5/2019, D giả vờ kêu Nguyễn Thanh Nh mượn xe của Ph chở D ra ngã ba H để đón xe khách về C. Khi Nh đưa D ra ngã ba H rồi quay xe về đậu ở hành lang phía trước khu nhà trọ, khóa cổ xe rồi lên phòng ngủ với Ph. Lúc này D điện thoại kêu Dng đến lấy trộm xe của Ph. Dng nhờ bạn tên L (không rõ nhân thân, lai lịch) chở đến nhà trọ, Dng dùng chìa khóa đã chuẩn bị trước mở khóa lấy trộm xe mô tô biển số 62E1-219.32 chạy đến bến xe D rước D rồi cùng nhau đem xe xuống thành phố K, tỉnh L bán cho 01 người không rõ nhân thân giá 24.000.000 đồng, cả 02 chia nhau tiêu xài rồi bỏ trốn. Đến ngày 21/6/2019, D đến Công an huyện I đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Đối với Dng tiếp tục trốn đến ngày 08/8/2019, Công an huyện I phát hiện Dng ở thành phố M và mời Dng về làm việc, sau đó Dng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 522/KL-HĐĐG ngày 17/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện I kết luận: Xe mô tô biển số 62E1-219.32 của anh Nguyễn Duy Ph trị giá 41.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2019/HSST ngày 07/11/2019, Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh D đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Dng 01 năm 03 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Khánh D 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/11/2019, bị cáo Dng kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 06/2020/HSPT ngày 19/02/2020, Tòa án nhân dân tỉnh D đã quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dng, giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2019/HSST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh D đối với bị cáo Dng.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 191/QĐ-VC3-V1 ngày 17/8/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2019/HSST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện I và Bản án hình sự phúc thẩm số 06/2020/HSPT ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh D.

2. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2019/HSST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện I và hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 06/2020/HSPT ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh D để điều tra, truy tố, xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 24/5/2019, tại nhà trọ P ở Ấp 7, xã N, huyện I, tỉnh D, Nguyễn Khánh D cùng với Đinh Hoàng Dng đã có hành vi lợi dụng sơ hở của anh Nguyễn Duy Ph để lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 62E1-219.32 trị giá 41.000.000 đồng đem bán cho một người không rõ nhân thân với giá 24.000.000 đồng cùng nhau tiêu xài cá nhân.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Nguyễn Khánh D và Đinh Hoàng Dng đã bàn bạc lên kế hoạch thực hiện hành vi phạm tội, thống nhất cụ thể phương thức mượn xe của bị hại, cách thức làm chìa khóa, phân công người cất giữ chìa khóa, kể cả phương án lấy trộm xe, sau khi lấy được xe hẹn nhau tại địa điểm đón, rồi cùng nhau đem xe đi tiêu thụ.

Xét thấy, mặc dù Nguyễn Khánh D và Đinh Hoàng Dng chỉ thực hiện tội phạm một lần, nhưng đã tổ chức thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại theo một kế hoạch được tính toán kỹ càng, chu đáo, có chuẩn bị công cụ phạm tội và kế hoạch che giấu tội phạm. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Khánh D và bị cáo Đinh Hoàng Dng đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"* với tình tiết tăng nặng định khung *"Có tổ chức"* được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Khánh D và bị cáo Đinh Hoàng Dng là không đúng, có sai lầm nghiêm trọng trong việc đánh giá chứng cứ dẫn đến việc áp dụng pháp luật không đúng. Sai lầm này của Tòa án cấp sơ thẩm đã được Tòa án cấp phúc thẩm phát hiện và có nhận định trong bản án hình sự phúc

thẩm. Tuy nhiên, do bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo hướng tăng nặng nên Tòa án cấp phúc thẩm không có thẩm quyền hủy bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại theo quy định tại khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 382, khoản 3 Điều 388, Điều 391, Điều 395 và Điều 396 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 191/QĐ-VC3-V1 ngày 17/8/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án hình sự phúc thẩm số 06/2020/HSPT ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh D và Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2019/HSST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh D để điều tra lại theo đúng quy định pháp luật.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, để điều tra lại theo đúng quy định pháp luật.

4. Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (*02 bản kèm Hồ sơ vụ án*);
- TAND tỉnh D;
- VKSND tỉnh D;
- TAND huyện I, tỉnh D;
- VKSND huyện I, tỉnh D;
- Công an huyện I, tỉnh D;
- Chi cục THADS huyện I, tỉnh D;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh D;
- Người bị kết án, bị hại, NLQ (*theo địa chỉ*);
- Lưu: PLTHS, P.GĐKTI, HS, THS (NVM).

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Xuân